

# CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ VƯỚNG MẮC CẦN ĐƯỢC THẢO GIÕ

Lê Thị Thu Thủy\*

Có thể khẳng định, công tác tư pháp là vấn đề luôn được sự quan tâm sát sao của Đảng và Nhà nước ta. Yêu cầu của công tác tư pháp và ý tưởng cải cách lĩnh vực này được thể hiện trong các Nghị Quyết Trung ương 8 khoá VIII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần IX... Theo đó, Đảng đặt ra cho các cơ quan tư pháp là phải xây dựng được một nền tư pháp công bằng, dân chủ, nghiêm minh, phục vụ nhân dân. Đặc biệt, Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" (Nghị quyết 08) là Nghị quyết đầu tiên của Bộ Chính trị đề cập một cách toàn diện về nhiệm vụ cải cách tư pháp, đề ra những định hướng, quan điểm chỉ đạo, biện pháp cụ thể đối với công tác tư pháp. Việc ban hành Nghị quyết thể hiện quyết tâm của Đảng, Nhà nước ta đối với nhiệm vụ cải cách tư pháp, đáp ứng sự mong mỏi, chờ đợi lâu nay của các cơ quan tư pháp và người dân. Có thể nói, Nghị quyết 08 đã đem lại "sinh khí mới" cho hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Qua hơn ba năm thực hiện cải cách tư pháp theo Nghị quyết 08, việc giải quyết án tồn đọng ở các Tòa án đã có một bước chuyển biến cơ bản: nếu trước đây trong những năm 1998 - 2000, số lượng án tồn đọng ở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thường xuyên có trên dưới 3000 vụ thì nay nhờ áp dụng nhiều biện pháp tích cực, trong đó đặc biệt coi trọng việc đổi mới, cải tiến qui trình làm việc của các đơn vị trong ngành Tòa án nên số án tồn đọng chỉ còn

vài trăm vụ<sup>1</sup>; Thêm vào đó, dư luận đánh giá cao những phiên tòa tổ chức theo tinh thần cải cách tư pháp, đề cao việc tranh tụng dân chủ, công khai; Nghị quyết 08 cũng đã đem đến một làn gió mới lạ đối với hoạt động tố tụng, giới luật sư phấn khởi vì có thêm một điểm tựa vững chắc khi hành nghề<sup>2</sup>; Việc bị cáo mặc thường phục ra tòa cũng là một bước tiến lớn trong cải cách tư pháp<sup>3</sup>.

Ngoài ra, theo tinh thần của Nghị quyết 08, việc hoàn thiện các văn bản pháp luật phục vụ cho công tác cải cách tư pháp trong hơn hai năm qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ: đã có nhiều văn bản pháp luật tố tụng và các văn bản liên quan đến tố tụng sửa đổi cũng như ban hành mới đã được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua, như Bộ luật Tố tụng Hình sự (sửa đổi), Luật Tổ chức tòa án nhân dân (sửa đổi), Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (sửa đổi), Pháp lệnh Thẩm phán và hội thẩm (sửa đổi), Pháp lệnh Kiểm sát viên (sửa đổi), Pháp lệnh Thi hành án dân sự (sửa đổi), Bộ luật TTDS đầu tiên trong lịch sử tố tụng dân sự tính từ Sắc lệnh số 13 năm 1946 đến nay<sup>4</sup>. Theo đó, Tòa án cấp huyện đã được mở rộng thẩm quyền xét xử các vụ việc trong lĩnh vực dân sự, Tòa án cấp

<sup>1</sup> Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị đã thực sự đi vào cuộc sống - Tạp chí Kiểm sát, số Xuân 2004.

<sup>2</sup> Bồi lẽ các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng: tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án và tranh luận dân chủ tại phiên tòa.

<sup>3</sup> Theo Nghị Quyết 743/2004/NQ - UBTWQH 11 ngày 24/12/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Về trang phục của bị cáo tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự".

<sup>4</sup> Sắc lệnh số 13 ngày 24/1/1946 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ cộng hoà qui định Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử các tranh chấp về dân sự.

\* TS Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia HN

huyện được giải quyết tất cả các tranh chấp về kinh doanh, thương mại, trừ những tranh chấp có tính chất phức tạp do Tòa án cấp tỉnh giải quyết. Ngoài ra, Tòa án cấp huyện còn giải quyết các tranh chấp về dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động có yếu tố nước ngoài, trừ những tranh chấp có tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải uỷ thác cho lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án nước ngoài (do Tòa án cấp tỉnh giải quyết). Việc mở rộng thẩm quyền cho Tòa án cấp huyện như trên là lộ trình để đi đến những bước tiếp theo trong quá trình cải cách tư pháp, thực hiện đường lối đổi mới "sắp xếp lại hệ thống Tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của Tòa án các cấp. Tóm lại, những đạo luật, pháp lệnh nêu trên là cơ sở pháp lý rất quan trọng để tiến hành công cuộc cải cách tư pháp ở Việt Nam trong thời gian tới.

## I. NHỮNG YẾU KÉM, BẤT CẬP TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

Bên cạnh những kết quả bước đầu đạt được, trong quá trình thực hiện Nghị Quyết 08 của Bộ Chính trị cũng còn nhiều vướng mắc, bất cập. Công cuộc cải cách tư pháp đòi hỏi chúng ta phải dám nhìn thẳng vào sự thật, hạ quyết tâm cao, kiên quyết tự phê phán, tìm ra những yếu kém, sai sót để khắc phục. Chỉ có như vậy, cải cách tư pháp mới đạt được mục tiêu của mình, mới góp phần thúc đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Một số yếu kém, bất cập đó là:

### 1. Hoạt động của Tòa án vẫn nặng về "xét xử", nhẹ về "tranh tụng"

Có thể nói, hoạt động xét xử của Tòa án từ trước tới nay đã khẳng định rằng chúng ta chưa có "tranh tụng" với đúng nghĩa của nó, mà chỉ có "xét xử", kể cả trong lĩnh vực tố tụng dân sự. Xét về mặt học thuật, "xét xử" và "tranh tụng" có sự khác biệt cơ bản. Trong tố tụng dân sự, xét xử chính là quá trình hành chính hoá (thậm chí hình sự hoá)

hoạt động giải quyết các tranh chấp của người dân, phản ánh một thực trạng và nguyên tắc quản lý xã hội của "thời bao cấp": Nhà nước bao hết, còn người dân thì chấp hành. Trong khi tranh tụng là trả lại quyền tự do thuận và tự quyết định của người dân trong quá trình giải quyết tranh chấp, trong đó nhà nước đóng vai trò hướng dẫn và hỗ trợ mà không làm thay<sup>5</sup>. Tố tụng tranh tụng có ba đặc điểm chính: 1. Trong tố tụng tranh tụng, Tòa án giữ vai trò thụ động và trung lập (bởi lẽ nếu Tòa án tích cực tham gia vào thẩm vấn tại phiên toà, thì dân chúng sẽ cho rằng Tòa án là đương sự và như vậy khó đảm bảo được công lý); 2. Tố tụng tranh tụng đòi hỏi các bên phải trình bày chứng cứ một cách có hiệu quả nhất, thuyết phục nhất trước toà; 3. Tố tụng tranh tụng có ba hệ qui tắc chi phối toàn bộ các hoạt động tố tụng: qui tắc tranh tụng, qui tắc chứng cứ, qui tắc về ứng xử của luật sư<sup>6</sup>. Trong các hệ qui tắc này, qui tắc về chứng cứ có ảnh hưởng lớn nhất vì nó kiểm soát loại chứng cứ nào có thể đưa ra trước những người có thẩm quyền quyết định, hay nói cách khác, nó quyết định chứng cứ có được chấp thuận hay không. Ngay cả thẩm phán cũng không được tự do lựa chọn chứng cứ mà họ cho rằng thích hợp nhất mà phải tuân theo qui tắc chứng cứ đã được qui định. Qui tắc chứng cứ này đặt ra nhằm bảo đảm sự công bằng trong tranh tụng qua việc cấm sử dụng những nguồn chứng cứ không đáng tin cậy, sai lệch hoặc có thể dẫn đến định kiến cho những người có thẩm quyền phán quyết.

Tinh thần của cải cách tư pháp là hướng tới việc thực thi tranh tụng. Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả

<sup>5</sup> Nguyễn Phú Sơn - Bộ luật TTDS cần thể hiện tinh thần cải cách tư pháp - Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 4 năm 2004, tr. 25.

<sup>6</sup> R.K. Flowers, An unholy alliance: the ex parte relationship between the judge and the prosecutor, 79 Nebraska Law Review 2000, 251 at 260.

quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 không qui định "tố tụng" là "tranh tụng" mà vẫn là xét hỏi, chỉ có tranh luận giữa viện kiểm sát và luật sư. Có không ít các phiên tòa mà việc tranh tụng chưa thật sự được coi trọng, trong đó có cả những phiên tòa lớn như Lã Thị Kim Oanh... (tại phiên tòa này có những vấn đề chưa làm rõ hết trong quá trình tranh tụng, chưa đáp ứng yêu cầu mà bị cáo cũng như luật sư của bị cáo nêu ra). Chính vì vậy trong thực tế, các luật sư vẫn thường khiếu nại tòa về việc tòa chưa thực hiện đầy đủ việc "tranh tụng" tại phiên tòa.

## **2. Luật sư tham gia "cầm chừng" vào quá trình tố tụng**

Cải cách tư pháp coi trọng vai trò, vị trí của luật sư, bởi lẽ luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên cơ sở pháp luật, đảm bảo sự thật, khách quan công lý. Nghị quyết 08 chỉ rõ: các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tiến hành tố tụng, tham gia xét hỏi bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên tòa. Điều này có nghĩa là luật sư được phép tham gia tố tụng sớm, từ giai đoạn khởi tố vụ án. Song thực tế các luật sư đã gặp nhiều trở ngại về thủ tục. Một mặt, Tòa án yêu cầu luật sư tham gia bào chữa phải có văn bản chấp nhận luật sư của bị cáo thì mới cấp giấy chứng nhận bào chữa nhưng mặt khác, nếu rơi vào trường hợp bị cáo bị tạm giam mà luật sư chưa có Giấy chứng nhận bào chữa thì không vào được trại giam để lấy văn bản đồng ý luật sư của bị cáo. Chính những qui định trái ngược nhau này dẫn đến nguyên nhân các luật sư khó tác nghiệp và chỉ tham gia "cầm chừng". Trên thực tế, luật sư chưa được cơ quan điều tra tạo điều kiện. Ví dụ minh chứng gần đây nhất là trong vụ án "Lương Quốc Dũng" luật sư không được tiếp xúc với bị can và mọi "giao tiếp" đều thông qua cơ quan Công an.

## **3. "Chưa rõ" về thẩm quyền của Tòa án các cấp giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại**

Bộ luật Tố tụng Dân sự (TTDS) năm 2004 được coi là bước tiến của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình cải cách tư pháp, trong đó thể hiện đúng đắn đường lối của Đảng "sắp xếp lại hệ thống Tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền".

Về thẩm quyền theo vụ việc, Bộ luật TTDS sử dụng thuật ngữ "tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại" và liệt kê các tranh chấp này tại khoản 1 Điều 29. Tuy nhiên, không rõ các tranh chấp khác (không được liệt kê) cũng phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh, thương mại như các tranh chấp liên quan đến cạnh tranh không lành mạnh (bán phá giá, độc quyền...) hay các tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng... có được áp dụng khoản 1 Điều 29 Bộ luật TTDS không? Mặt khác, vì sử dụng phương pháp liệt kê để xác định các hoạt động được coi là hoạt động kinh doanh, thương mại (và đương nhiên không thể liệt kê hết được) nên một số các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực khác như tranh chấp phát sinh từ quan hệ uỷ thác, giám định, đấu thầu, đấu giá... có được coi là tranh chấp kinh doanh, thương mại hay không?

Ngoài ra, để áp dụng khoản 1 Điều 29 Bộ luật TTDS thì các bên tranh chấp phải có đăng ký kinh doanh và "đều" có mục đích lợi nhuận khi tham gia quan hệ. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay tồn tại rất nhiều các hợp đồng kinh tế được ký kết bởi một bên không có đăng ký kinh doanh và không vì mục đích lợi nhuận (ví dụ, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội ký hợp đồng với công ty nhà nước để xây dựng khu lớp học). Theo khoản 1 Điều 29 Bộ luật TTDS thì đây không phải là tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh, thương mại vì Khoa Luật không có đăng ký kinh doanh, cũng không phải là tranh chấp dân sự vì theo khoản 3

Điều 25 Bộ luật TTDS thì tranh chấp dân sự là các tranh chấp về hợp đồng dân sự.

Bộ luật TTDS (giống Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994) vẫn tiếp tục quan niệm tranh chấp công ty phải là các tranh chấp giữa công ty với thành viên công ty hoặc giữa thành viên công ty với nhau. Do vậy, nếu tranh chấp phát sinh giữa công ty hoặc các thành viên của công ty với người được thuê làm giám đốc công ty có phải là vụ án kinh doanh thương mại không? Ví dụ trong trường hợp công ty kiện Giám đốc mà không phải là thành viên công ty yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do điều hành kém, không có hiệu quả thì không rõ đây thuộc loại tranh chấp gì? (dân sự, lao động hay tranh chấp công ty?).

Để phân định thẩm quyền theo cấp Tòa án, Bộ luật TTDS sử dụng căn cứ sau đây: 1. Tính chất tranh chấp; 2. Yếu tố nước ngoài trong tranh chấp; 3. Sự cần thiết phải uỷ thác tư pháp cho cơ quan lãnh sự quán của Việt Nam hoặc cho Tòa án nước ngoài. Việc qui định như vậy dẫn đến tình trạng thẩm quyền giải quyết sơ thẩm các tranh chấp kinh doanh, thương mại của Tòa án cấp huyện được mở rộng trong khi năng lực xét xử tranh chấp kinh doanh, thương mại của Tòa án còn nhiều hạn chế; Một số tranh chấp rất phức tạp (như tranh chấp về hợp đồng thuê mua, hợp đồng phân phối, hợp đồng bán hàng đa cấp...) lại thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện, trong khi đó một số tranh chấp khác, đơn giản hơn lại thuộc thẩm quyền của Tòa cấp tỉnh (ví dụ tranh chấp về hợp đồng tín dụng ...). Một số các tranh chấp khác như phát sinh từ hợp đồng vận chuyển đa phương thức, kết hợp nhiều hoạt động vận chuyển khác nhau, từ đường bộ, đường thuỷ nội địa, đường hàng không.... thì không biết giải quyết ở Tòa cấp nào?

Về thẩm quyền theo lãnh thổ, Bộ luật TTDS chính thức ghi nhận quyền của các đương sự được tự thoả thuận với nhau bằng

văn bản để yêu cầu toà án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn giải quyết vụ việc (điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự). Qui định này xuất phát từ vướng mắc trong thực tiễn: khi ký kết hợp đồng, các bên thoả thuận lựa chọn toà án nơi một trong các bên giải quyết tranh chấp nhưng khi tranh chấp xảy ra thì nguyên đơn lại khởi kiện đến toà án khác yêu cầu giải quyết làm cho Tòa án rất lúng túng trong việc quyết định thụ lý hay không vụ kiện. Ngoài ra, điểm c, khoản 1 Điều 35 Bộ luật TTDS chỉ qui định "Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về bất động sản". Qui định này có thể nói là chưa rõ ràng, có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau:

- Tòa án nơi có bất động sản là một trong các Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp bất động sản và người khởi kiện có thể nộp đơn kiện đến Tòa án nơi có bất động sản hoặc Tòa án khác, nơi bị đơn cư trú...;

- Một tranh chấp liên quan đến nhiều nội dung khác nhau, trong đó có nội dung về bất động sản thì cũng chỉ Tòa án nơi có bất động sản mới có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân Tối cao cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để tạo tính thống nhất trong việc áp dụng qui định này của pháp luật.

#### 4. Công tác thi hành án còn nhiều hạn chế

Trong công tác thi hành án dân sự cũng như hình sự còn rất nhiều tồn tại cần được khắc phục. Trong thi hành án dân sự, vướng mắc liên quan đến tính khả thi của các bản án; thiếu sự đồng bộ của pháp luật thi hành án với pháp luật khác; thiếu sự gắn kết quản lý thi hành án phạt tù với thi hành án dân sự trong các vụ án hình sự từ khâu điều tra, truy tố, xét xử, tù giam cho đến giảm án, tha tù trước thời hạn; vướng mắc về hỗ trợ cưỡng chế thi hành án, chưa có cơ chế bồi

thường thiệt hại gây ra trong thi hành án dân sự.

Trong thi hành án hình sự, việc thi hành hình phạt tù hình hiện nay còn thiếu qui định về thời hạn Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phải gửi ý kiến về việc xin ân giảm của người bị kết án tử hình lên Chủ tịch nước. Do vậy, bản án tử hình thường chậm bị thi hành. Ngoài ra, pháp luật còn thiếu các qui định về thi hành hình phạt tù đối với phạm nhân là người nước ngoài, chế độ riêng đối với phạm nhân nữ, phạm nhân nghiện ma túy, phạm nhân nhiễm HIV/AIDS và việc phòng, chống HIV/AIDS, cai nghiện trong trại giam....

Hoạt động thi hành án còn do nhiều cơ quan chức năng khác nhau quản lý, tổ chức thực hiện: Bộ Tư pháp quản lý và tổ chức thi hành án dân sự, Bộ Công an quản lý việc thi hành án phạt tù, tử hình và trục xuất khỏi Việt Nam; Bộ Quốc phòng tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa Quân sự; việc quản lý người bị kết án quản chế, án treo, cải tạo không giam giữ do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, nơi người đó cư trú hoặc làm việc thực hiện... Như vậy, hoạt động thi hành án ở nước ta nhìn chung đang ở trong tình trạng phân tán, do nhiều đầu mối thực hiện, thiếu tập trung, thống nhất cả về quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện. Thêm vào đó, cơ sở pháp luật về tổ chức và hoạt động trong từng lĩnh vực thi hành án do nhiều văn bản pháp luật khác nhau điều chỉnh: Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004, Bộ luật TTDS năm 2004 (phần về thi hành án dân sự), Pháp lệnh Thi hành hình phạt tù năm 1993, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 (phần về thi hành án hình sự). Do vậy, việc pháp điển hoá các qui định pháp luật về thi hành án nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành án là một nhu cầu bức xúc trong giai đoạn hiện nay.

## II. MỘT VÀI KIẾN NGHỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG VỀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM

Trên đây mới chỉ là một số những bất cập, vướng mắc trong quá trình cải cách tư pháp ở Việt Nam. Trong thời gian tới, để đáp ứng yêu cầu hội nhập, phát triển kinh tế xã hội, nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư pháp là tiếp tục thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện với chất lượng cao những nhiệm vụ mà Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị đã chỉ ra, nhằm tạo cơ sở vững chắc cho việc thực hiện cải cách tư pháp những năm tiếp theo. Các cơ quan tư pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện việc đổi mới tổ chức xét xử của Tòa án cả về án hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính, lao động theo hướng mở rộng tranh tụng tại phiên tòa, nhằm nâng cao chất lượng xét xử, đảm bảo sự bình đẳng dân chủ, đúng pháp luật; Qui định rõ trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong việc bảo đảm quyền bình đẳng giữa các bên trong việc đưa ra chứng cứ, yêu cầu, tranh luận dân chủ tại phiên tòa, phải xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên để đưa ra các phán quyết có căn cứ và đúng pháp luật. Đặc biệt, chủ tọa phiên tòa chỉ được tuyên bố kết thúc phần tranh luận sau khi những người tham gia tranh luận không trình bày gì thêm. Thậm chí, sau khi nghị án nếu thấy có vấn đề nào còn chưa được làm rõ thì Hội đồng xét xử có thể quyết định trở lại phần xét hỏi và tranh luận.

- Cần củng cố và phát triển đội ngũ luật sư, nâng cao vai trò của luật sư trong tố tụng hình sự. Theo chúng tôi, không nên giới hạn hoạt động luật sư trong khuôn khổ của các hoạt động "bổ trợ tư pháp" vì như vậy chưa phản ánh đúng ý nghĩa sâu xa của hoạt động luật sư và các giá trị xã hội mà hoạt động này mang lại cho sự phát triển của nền dân chủ nói chung và hoạt động tư pháp nói riêng. Việc xác định đúng vị trí độc lập của hoạt động luật sư trong tranh tụng có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với

việc phát huy vai trò của luật sư trong hoạt động nghề nghiệp của mình, góp phần thực hiện chiến lược cải cách tư pháp. Việc xây dựng chế định luật sư công trong bộ máy nhà nước cần phải được giải quyết một cách thoả đáng theo hướng: luật sư trong những trường hợp nhất định được các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định (thuê) làm người bào chữa hay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Thêm vào đó, khi hành nghề đòi hỏi luật sư phải làm hết phận sự, trách nhiệm của mình, nghiên cứu hồ sơ, nghiên cứu vụ án trên tinh thần bảo vệ công lý. Tuy nhiên, về phía các cơ quan tư pháp cũng phải phối hợp và tạo điều kiện cho các luật sư hoạt động trên tinh thần hợp tác, tránh tình trạng "các cơ quan tư pháp trở thành một vương quốc khép kín, gần như bất khả xâm phạm".

- Tập trung thực hiện tốt công tác thi hành án, đặc biệt là án dân sự, khắc phục tình trạng án tồn đọng kéo dài. Một trong những nguyên nhân khiến việc thi hành án trong vòng "luẩn quẩn" là bản án tuyên nhưng không có khả năng thi hành hoặc bị cáo không còn tài sản (ví dụ, vụ án Lã Thị Kim Oanh). Ngoài ra, cũng có rất nhiều nguyên nhân khác dẫn đến những khó khăn trong thi hành án từ phía nguyên đơn, bị đơn, về phía người bị hại, về phía công tác tổ chức thi hành... Việc xây dựng và ban hành Bộ luật Thi hành án nhằm pháp điển hoá các qui định của pháp luật về thi hành án dân sự và hình sự thành một đạo luật thống nhất về thi hành án là một nhu cầu cần thiết, nhằm bảo đảm các bản án, quyết định của Tòa án được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh, đúng pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, xã hội, các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Đáng rằng, thi hành án hình sự, dân sự có những đặc thù riêng về trình tự, thủ tục, biện pháp thi hành nhưng những vấn đề này đều sẽ được hệ thống hoá và tập hợp thành những chế định độc lập trong Bộ luật Thi hành án.

Phạm vi điều chỉnh của Bộ luật này sẽ bao trùm toàn bộ hoạt động thi hành án từ thủ tục thi hành, cơ quan thi hành, cơ quan quản lý thi hành án, xã hội hoá thi hành án, các điều kiện đảm bảo hoạt động thi hành án, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và xử lý vi phạm trong hoạt động thi hành án. Theo Bộ luật này, cơ quan quản lý thi hành án nên là Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ quản lý thống nhất công tác thi hành án dân sự và thi hành án hình sự trong phạm vi cả nước. Bằng cách này sẽ giảm bớt được đầu mối các cơ quan có chức năng quản lý, tránh tình trạng chông chéo về chức năng quản lý thi hành án, bảo đảm quản lý nhà nước tập trung, thống nhất, dễ kiểm tra, thanh tra, kịp thời phát hiện và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành án. Cách làm này cũng phù hợp với thông lệ quốc tế. Các nước như Trung Quốc, Thái Lan, Singapor, Nhật Bản, Pháp, Mỹ, Thụy Điển, Liên bang Nga... đều giao cho Bộ Tư pháp quản lý thi hành án hình sự và các trại giam để dân sự hoá hoạt động thi hành án hình sự, phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan điều tra, công tố, xét xử và thi hành án, thông qua đó bảo đảm việc thi hành án được khách quan.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hướng dẫn áp dụng và hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực tư pháp. Các bộ luật như Bộ luật Dân sự 2005 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Bộ luật Hình sự (sửa đổi)... cần có các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm làm cho hoạt động tư pháp đi vào nề nếp từ khâu điều tra, bắt, giam, giữ, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để oan, sai.

Về thẩm quyền của Tòa án các cấp giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại Bộ luật TTDS cần có hướng dẫn cụ thể của Tòa án nhân dân tối cao theo hướng:

+ Nên qui định các tranh chấp về kinh doanh, thương mại chỉ là dạng đặc biệt của tranh chấp về dân sự và sử dụng phương pháp loại trừ để phân định vụ án về kinh

doanh, thương mại với vụ án về dân sự. Trong trường hợp một tranh chấp phát sinh và không được coi là tranh chấp về kinh doanh thương mại (vì không thoả mãn các dấu hiệu của tranh chấp kinh doanh thương mại) thì sẽ được coi là tranh chấp về dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án như một vụ án dân sự. Quy định như vậy sẽ tháo gỡ được vướng mắc khi xác định thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ những quan hệ nằm ngoài nhóm tranh chấp về kinh doanh thương mại được liệt kê tại Điều 29, và tranh chấp về dân sự được liệt kê tại Điều 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngoài ra, pháp luật cần qui định các dấu hiệu cụ thể để nhận dạng hoạt động kinh doanh, thương mại, trên cơ sở đó không bỏ sót những hoạt động kinh doanh thương mại mà pháp luật không liệt kê. Các dấu hiệu này nên dựa vào khái niệm "Kinh doanh" đã được qui định cụ thể trong Luật Doanh nghiệp năm 2005 và có thể bao gồm: 1. Về chủ thể: phải do tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh tiến hành; 2. Hoạt động kinh doanh, thương mại là hoạt động đầu tư, sản xuất, mua bán, cung ứng dịch vụ; 3. Mục đích hoạt động là kiếm lợi nhuận.

+ Cần qui định rõ khi nào chủ thể tham gia quan hệ vì mục đích lợi nhuận. Ở đây, có thể hiểu mục đích lợi nhuận với nghĩa trực tiếp hoặc gián tiếp và hành vi vì mục đích này phải do các chủ thể kinh doanh (tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh) thực hiện.

+ Nên qui định mọi tranh chấp phát sinh từ việc thành lập, tổ chức quản lý và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp là tranh chấp về kinh doanh, thương mại để Tòa án giải quyết như một vụ án kinh tế mà không bắt buộc các bên tranh chấp phải là thành viên công ty hoặc công ty. Đó có thể là các tranh chấp giữa công ty hoặc thành viên công ty với người được công ty thuê làm giám đốc điều hành; tranh chấp phát sinh trong quá trình chuyển nhượng vốn của

thành viên công ty đối với người ngoài (thậm chí ngay cả khi người nhận chuyển nhượng vốn chưa được xác lập tư cách thành viên công ty, người chuyển nhượng vốn đã chấm dứt tư cách thành viên công ty)....

+ Cần có hướng dẫn cụ thể về những tiêu chí để xác định thế nào là vụ án chỉ liên quan đến bất động sản và nếu vụ án chỉ liên quan đến bất động sản thì chỉ Tòa án nơi có bất động sản mới có thẩm quyền giải quyết.

- Cần sửa đổi một số điều trong Bộ luật Tố tụng Hình sự nhằm giảm bớt hình phạt tử hình cho một số tội, nhất là đối với các tội phạm liên quan đến án kinh tế (ví dụ, khi bị cáo là người đứng đầu doanh nghiệp). Vấn đề xuất phát ở chỗ không phải cứ áp dụng biện pháp tử hình là có thể giảm được số hành vi vi phạm và phạm tội, mà cái chính là giáo dục, cải tạo con người. Nếu các biện pháp giáo dục, cải tạo khác chúng ta làm tốt vẫn có thể hạn chế được tội phạm. Ngoài ra, cần coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, giảm bớt khung hình phạt quá cao trong một số loại tội phạm và khắc phục tình trạng hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự.

- Công tác tư pháp phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các tội phạm an ninh quốc gia, tội tham nhũng và các tội hình sự khác, bảo vệ trật tự kỷ cương, bảo đảm và tôn trọng quyền dân chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, hoạt động tội phạm có tổ chức, có sự liên kết giữa các băng, nhóm tội phạm có nguy cơ gia tăng, một số loại tội phạm mới sẽ xuất hiện như đầu cơ chứng khoán, rửa tiền..., đòi hỏi công tác tư pháp phải có những bước "chuyển mình" mạnh mẽ và phấn đấu đạt được mục tiêu xây dựng nền tư pháp công bằng, dân chủ, nghiêm minh.